

**UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2766 /SNN-KHTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2018

V/v thực hiện Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018 của Bộ Tài chính

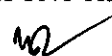
Kính gửi: Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội

Căn cứ văn bản số 7533/VP-KT ngày 26/9/2018 của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018 của Bộ Tài chính;

Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2018. (Gửi kèm theo Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018 của Bộ Tài chính).

Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội yêu cầu các đơn vị nghiên cứu, thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c GD Sở; (để báo cáo)
- Các đ/c PGĐ Sở; (để chỉ đạo)
- Website Sở NN&PTNT Hà Nội;
- Lưu: VT, KHTC. 

GIÁM ĐỐC



Chu Phú Mỹ

Số: 80 /2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2018

THÔNG TƯ

Hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về mẫu biểu báo cáo về tình hình cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo quy định tại Khoản 4, Điều 32 của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, bao gồm báo cáo về:

1. Tình hình cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;
2. Tình hình vay nợ, tình hình tài chính của bên vay lại;
3. Tình hình quản lý tài sản bảo đảm tiền vay;
4. Tình hình thực hiện, vận hành, khai thác dự án đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bên vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, bao gồm:

a. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

b. Đơn vị sự nghiệp công lập.

c. Doanh nghiệp.

2. Bộ Tài chính

3. Cơ quan được Bộ Tài chính ủy quyền làm cơ quan cho vay lại (sau đây gọi là “Cơ quan được ủy quyền cho vay lại”) được xác định theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo tình hình cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

Điều 3. Mẫu biểu báo cáo

1. Bên vay lại là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính báo cáo theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục I Thông tư này, bao gồm thông tin về:

a. Tình hình vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, chi tiết theo số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ của từng khoản vay lại.

b. Tình hình nợ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chủ nợ/nguồn vay, chi tiết theo từng chủ nợ, nguồn vay, bao gồm cả nợ quá hạn phát sinh (nếu có) theo chủ nợ hoặc nguồn vay.

c. Tình hình thực hiện dự án sử dụng vốn vay lại nguồn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

2. Bên vay lại là doanh nghiệp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập gửi cơ quan được ủy quyền cho vay lại báo cáo theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục II Thông tư này, bao gồm thông tin về:

a. Tình hình vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, chi tiết theo số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ của từng khoản vay lại.

b. Tình hình tài chính của bên vay lại với các chủ nợ, chi tiết tình hình vay nợ theo từng chủ nợ, nguồn vay, bao gồm cả nợ quá hạn phát sinh (nếu có) theo chủ nợ hoặc nguồn vay, chi tiết tình hình tài chính theo hệ số thanh toán nợ ngắn hạn, hệ số thanh toán nợ dài hạn, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (đối với doanh nghiệp) hoặc hệ số nợ/tổng tài sản (đối với đơn vị sự nghiệp công lập).

c. Tình hình thực hiện dự án sử dụng vốn vay lại nguồn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

d. Tình hình quản lý tài sản bảo đảm tiền vay.

3. Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức cơ quan cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng gửi Bộ Tài chính báo cáo theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục III Thông tư này, bao gồm các thông tin về:

a. Tình hình nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo chủ nợ cho vay, chi tiết theo chủ nợ nước ngoài và theo dự án, khoản vay lại, số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ, số nợ quá hạn (nếu có).

b. Tình hình nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo đơn vị nhận vay lại, chi tiết theo đơn vị nhận vay lại và theo dự án, khoản vay lại, số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ, số nợ quá hạn (nếu có).

c. Tình hình thực hiện rút vốn vay nước ngoài về cho vay lại, chi tiết theo các chủ nợ nước ngoài.

d. Tình hình thực hiện trả nợ Bộ Tài chính, chi tiết số trả nợ gốc, lãi, phí theo chủ nợ nước ngoài.

đ. Tình hình thực hiện trả nợ trực tiếp cho nước ngoài, chi tiết số trả nợ gốc, lãi, phí theo chủ nợ nước ngoài.

e. Tình hình các dự án có nợ quá hạn, chi tiết số nợ quá hạn gốc, lãi, phí, dự phòng rủi ro, nội dung xử lý và kiến nghị (nếu có).

g. Tình hình quản lý tài sản bảo đảm, chi tiết về loại hình tài sản bảo đảm, trị giá hợp đồng đăng ký giao dịch bảo đảm, trị giá tài sản đảm bảo còn lại, nội dung xử lý và kiến nghị (nếu có).

h. Tình hình nợ quá hạn và phân loại nợ, chi tiết dư nợ qua các tháng và phân loại nhóm nợ của các đơn vị vay lại.

4. Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức chịu toàn bộ rủi ro tín dụng gửi Bộ Tài chính báo cáo theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục IV Thông tư này, bao gồm các thông tin về:

a. Tình hình nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo chủ nợ cho vay, chi tiết theo chủ nợ nước ngoài và theo dự án, khoản vay lại, số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ, số nợ quá hạn (nếu có).

b. Tình hình nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo đơn vị nhận vay lại, chi tiết theo đơn vị nhận vay lại và theo dự án, khoản vay lại, số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ, số nợ quá hạn (nếu có).

c. Tình hình thực hiện rút vốn vay nước ngoài về cho vay lại, chi tiết theo các chủ nợ nước ngoài.

d. Tình hình thực hiện trả nợ Bộ Tài chính, chi tiết số trả nợ gốc, lãi, phí theo chủ nợ nước ngoài.

Điều 4. Tỷ giá lập báo cáo, hình thức báo cáo

1. Số liệu về trị giá vay lại, số dư nợ được lập theo nguyên tệ vay, và quy đổi sang USD và VND theo tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố, áp dụng vào ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

2. Số liệu về giải ngân của các dự án được lập theo nguyên tệ vay và quy đổi sang USD và VND theo tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố, áp dụng vào thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Số liệu về thu nợ của các dự án được lập theo nguyên tệ vay và quy đổi sang USD, VND theo tỷ giá bán ra đồng tiền cho vay lại tại thời điểm trả nợ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố.

4. Các báo cáo gửi về Bộ Tài chính, cơ quan được ủy quyền cho vay lại được thực hiện dưới hình thức văn bản kèm theo tệp điện tử gửi tới địa chỉ được Bộ Tài chính và cơ quan được ủy quyền cho vay lại thông báo.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2018.

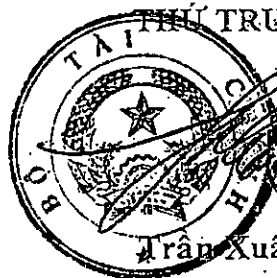
2. Việc lập báo cáo tình hình cho vay lại, tình hình nợ của bên vay lại theo các hợp đồng cho vay lại, hợp đồng ủy quyền cho vay lại đã ký kết trước ngày có hiệu lực của Thông tư này thực hiện theo quy định tại Thông tư này. /..u

Nơi nhận: *✓*

- VP TƯ Đảng và các Ban của Đảng;
- VP QH, VP Chủ tịch Nước, VP Tổng bí thư;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Viện kiểm sát NDTC; Toà án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TƯ của các đoàn thể;
- UBND, Sở TC các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các Cơ quan cho vay lại;
- Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Ban chỉ đạo TƯ về Phòng, chống tham nhũng;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT; QLN (SP2).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Trần Xuân Hà

Phụ lục I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI CỦA UBND CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2018/TT-BTC

ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính)

Cơ quan thực hiện: UBND cấp tỉnh, thành phố

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
1.01	Báo cáo tình hình vay lại
1.02	Báo cáo tình hình nợ
1.03	Báo cáo tình hình thực hiện dự án vay lại

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh/Thành phố: ...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo : từ ngày..... Đến ngày....

Đơn vị: *Nguyễn tế*

STT	Tên Dự án /Chương trình	Nguồn vốn cho vay lại	Nguyên tệ	Dự nợ đầu kỳ	Dự nợ đầu kỳ quy VND	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ					Dự nợ cuối kỳ	Dự nợ cuối kỳ quy VND	Nợ quá hạn				
							Gốc	Lãi	Phi theo HĐ vay	Phi QLCVL	Cộng			Gốc	Lãi	Phi vay nước ngoài	Phi QLCVL	Cộng
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Dự án ...																	
II	Dự án ...																	
III	Dự án ...																	
	TỔNG CỘNG																	
	USD																	
	EUR																	
	JPY																	
	KRW																	
	Tổng quy USD																	
	Tổng quy VND																	
	Tổng quy ...																	

Ghi chú:

- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 14: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh/Thành phố ...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CỦA UBND TỈNH THEO CHỦ NỢ

Kỳ báo cáo : Từ ngày Đến ngày

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	TÊN CHỦ NỢ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VND	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Trong đó, Dư nợ quá hạn cuối kỳ	Dư nợ quá hạn cuối kỳ quy VND
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Chủ nợ A Dự án ...						
II	Chủ nợ B Dự án ...						
III	Chủ nợ C Dự án ...						
	Tổng dư nợ (quy VND)						
	Hạn mức nợ theo quy định (VND)						

Chi chú:

- Cột 4: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh/thành phố ...

**UBND
TỈNH/THÀNH
PHỐ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngàytháng.....năm.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY LẠI
ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ**

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

I. Thông tin cơ bản

- Tên Dự án:
- Tên Nhà tài trợ:
- Hiệp định vay số:
- Thời gian thực hiện dự án: từ....đến...
- Tổng mức đầu tư:
- Tổng số vốn vay:
- Tỷ lệ vay lại:

II. Tiến độ thực hiện dự án

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại.
2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án.
3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng.
4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư.
5. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị.

Phụ lục II

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI CỦA DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2018/TT-BTC

ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính)

Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp/Đơn vị sự nghiệp công lập

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
2.01	Báo cáo tình hình vay lại
2.02	Báo cáo tình hình tài chính
2.03	Báo cáo tình hình thực hiện dự án vay lại
2.04	Báo cáo tình hình quản lý tài sản bảo đảm

Cơ quan thực hiện: ... (Doanh nghiệp/đơn vị sự nghiệp công)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo: từ ngày..... Đến ngày....

Đơn vị: Nguyên tệ

Đơn vị: Nguyễn te																	
STT	TÊN ĐƠN VỊ	Nguồn vốn cho vay lại	Nguyên tệ	Dự nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ						Dự nợ cuối kỳ	Nợ quá hạn				
						Gốc	Lãi	Phí theo Hiệp định vay	Phí QLCVL	Dự phòng RRCVL	Cộng		Gốc	Lãi	Phí vay nước ngoài	Phí QLCVL	Dự phòng RRCVL
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Dự án.																
II	Dự án																
III	Dự án																
	Tổng cùng																
	Tổng USD																
	Tổng EUR																
	Tổng JPY																
	Tổng KRW																
	Tổng ...																
	Tổng quy USD																
	Tổng quy VND																

Ghi chú:

- Cột 5,13,14,15,16,17,18: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước quy đổi sang USD và VND do Bộ tài chính công bố vào ngày cuối cùng của tháng cuối cùng của kỳ báo cáo
- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước quy đổi sang USD và VND do Bộ tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch
- Cột 7,8,9,10,11,12: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước quy đổi sang USD và VND do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương công bố tại thời điểm trả nợ

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA BÊN VAY LẠI VỚI CÁC CHỦ NỢ

Cơ quan thực hiện: ... (Doanh nghiệp/đơn vị sự nghiệp công lập)

Kỳ báo cáo : từ ngày Đến ngày

I. Tình hình vay nợ

STT	TÊN CHỦ NỢ	Dư nợ đầu kỳ		Dư nợ cuối kỳ		Dư nợ quá hạn cuối kỳ	
		Nguyên tệ	Quy VNĐ	Nguyên tệ	Quy VNĐ	Nguyên tệ	Quy VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Chủ nợ A						
II	Chủ nợ B						
III	Chủ nợ C						
	Tổng dư nợ (quy VNĐ)						

Đơn vị: Nguyên tệ

Ghi chú:

- Cột 4: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 6,8: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

2. Tình hình tài chính

A. Đối với Doanh nghiệp

STT	Hệ số	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn		
2	Hệ số thanh toán nợ dài hạn		
3	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu		
4	Nợ phải trả/Tổng tài sản		

B. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

STT	Hệ số	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn		
2	Hệ số thanh toán nợ dài hạn		
3	Nợ phải trả/Tổng tài sản		

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp/Đơn vị sự nghiệp công lập

CÔNG TY ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY LẠI
ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ**

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

I. Thông tin cơ bản

- Tên Dự án:
- Tên Nhà tài trợ:
- Hiệp định vay số:
- Thời gian thực hiện dự án: từ....đến...
- Tổng mức đầu tư:
- Tổng số vốn vay:
- Tỷ lệ vay lại

II. Tình hình thực hiện dự án

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại.
2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án
3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng
4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư
5. Tình hình biến động tài sản bảo đảm tiền vay
6. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị

Cơ quan thực hiện: ... (Doanh nghiệp/Đơn vị sự nghiệp công lập)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Đơn vị: VNĐ

Tên dự án	Nguồn vốn vay	Đồng tiền vay	Dự nợ cuối kỳ báo cáo (Nguyên tệ)	Dự nợ cuối kỳ báo cáo quy VNĐ	Loại tài sản bảo đảm		Giá trị tại Hợp đồng đăng ký giao dịch đảm bảo quy VNĐ	Giá trị tài sản đảm bảo còn lại (theo giá trị sổ sách) quy VNĐ	Chênh lệch	Nội dung xử lý hoặc kiến nghị
					Tài sản hình thành từ vốn vay	Tài sản khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=5-9	11
Dự án					X	X				
Dự án					X					
Dự án						X				

Ghi chú:

- Cột 5, 8, 9: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước quy VNĐ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ

Phụ lục III

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY LẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2018/TT-BTC

ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính)

**Cơ quan thực hiện: Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức
không chịu rủi ro tín dụng**

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
3.01	Nợ của các khoản cho vay lại theo chủ nợ cho vay
3.02	Nợ của các khoản cho vay lại theo đơn vị vay lại
3.03	Thực hiện rút vốn vay nước ngoài về cho vay lại
3.04	Thực hiện trả nợ Bộ Tài chính
3.05	Thực hiện trả nợ trực tiếp cho nước ngoài
3.06	Báo cáo tình hình các dự án có nợ quá hạn
3.07	Báo cáo tình hình quản lý tài sản bảo đảm
3.08	Báo cáo tình hình nợ quá hạn và phân loại nợ

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro)

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI THEO CHỦ NỢ CHO VAY
Ký báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Loại lãi	DƯ NỢ ĐẦU NĂM		NỢ VỐN TRONG NĂM TỪ NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI		CÁC		LÃI		PHÍ		DỰ PHÒNG RỦI RO		TỔNG CỘNG		DƯ NỢ CUỐI NĂM	
A	Ngày 1	Qy VND	Ngày 3	Qy VND	Ngày 4	Qy VND	Ngày 5	Qy VND	Ngày 6	Qy VND	Ngày 7	Qy VND	Ngày 8	Qy VND	Ngày 9	Qy VND
TỔNG CỘNG																
Chính phủ nước ngoài																
Nước																
Dự án																
Dự án																
Tổ chức quốc tế																
Tổ chức																
Dự án																
Dự án																
QCTD, NHTM																
Ngân hàng																
Dự án																
Dự án																
Tổ chức khác (nếu có)																
Tên tổ chức																
Dự án																
Dự án																

CHỈ CHẤ:

- Cột 2,3: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 3,6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch
- Cột 8,9,11,12,14,15,17,18,20,21: Áp dụng tỷ giá bán ra đồng tiền cho vay lại của Ngân hàng thương mại có phần Ngoại thương công bố tại thời điểm ra nợ
- Cột 23,24: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

NGƯỜI LẬP BIỂU

..... Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro)

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI THEO ĐƠN VỊ NHẬN VAY LẠI
Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Đơn vị tính: Nguyên tệ

BỘ VI THÍNH: NGUYỄN T													
STT	TÊN ĐƠN VỊ	Loại tiền	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ					Dư nợ cuối kỳ	NỢ QUẢ HẠN		
					Gốc	Lãi	Phi	Dự phòng rủi ro	Cộng		Gốc	Lãi+Phi	Cộng
A		B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG												
1	Người vay ... Dự án ...												
2	Dự án ... Người vay ...												
3	Dự án ... Dự án ... Người vay ...												
4	Dự án ... Dự án ... Người vay ...												
5	Dự án ... Dự án ... Người vay ...												

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro)

THỰC HIỆN RÚT VỐN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

TÊN DỰ ÁN	RÚT VỐN TỪ NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI			
	Loại tiền	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
	A	I	2	3
TỔNG CỘNG				
Chính phủ nước ngoài				
Nước				
Dự án				
Dự án				
Tổ chức quốc tế				
Tổ chức				
Dự án				
Dự án				
Các TCTD, NHTM				
Ngân hàng...				
Dự án				
Dự án				
Tổ chức khác (nếu có)				
Tên tổ chức				
Dự án				
Dự án				

Ghi chú:

- Các cột quy USD, VND: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố vào thời điểm phát sinh giao dịch

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro)

THỰC HIỆN TRẢ NỢ BỘ TÀI CHÍNH

Ký báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

TÊN DỰ ÁN	Loại tiền	Tổng trả nợ của dự án theo nguyên tệ							Quy USD	Quy VND
		Gốc	Lãi	Phí cho vay lại trả cho cơ quan được ủy quyền cho vay lại	Phí cho vay lại trả Bộ Tài chính	Phí	Dự phòng rủi ro	Cộng		
	A	1	2	3	4	5-3+4	6	7	8	9
TỔNG CỘNG										
Chính phủ nước ngoài										
Nước										
Dự án										
Tổ chức quốc tế										
Tổ chức										
Dự án										
Các TCTD, NHIM										
Ngân hàng										
Dự án										
Tổ chức khác (nếu có)										
Tên tổ chức										
Dự án										

Ghi chú:

- Các cột quy USD, VND: Áp dụng tỷ giá bán ra đồng tiền cho vay lại do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương công bố tại thời điểm trả nợ

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro)

THỰC HIỆN TRẢ NỢ TRỰC TIẾP CHO NƯỚC NGOÀI

Ký báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

TÊN DỰ ÁN	Loại tiền	Trả nợ trực tiếp nước ngoài theo nguyên tệ				Quy USD	Quy VND
		Gốc	Lãi	Phí	Cộng		
	A	1	2	3	4	5	6
TỔNG CỘNG							
Chính phủ nước ngoài Nước Dự án							
Tổ chức quốc tế Tổ chức Dự án							
Các TCTD, NHTM Ngân hàng..... Dự án							
Tổ chức khác (nếu có) Tên tổ chức Dự án							

Ghi chú:

- Các cột quy USD, VND: Áp dụng tỷ giá bán ra đồng tiền cho vay lại do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương công bố tại thời điểm trả nợ

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÁC DỰ ÁN CÓ NỢ QUÁ HẠN

Ký báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

TÊN DỰ ÁN	Loại tiền	DƯ NỢ ĐẾN 31/12/...				TRONG ĐÓ NỢ QUÁ HẠN				Nội dung xử lý hoặc kiến nghị
		Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Gốc	Lãi	Phí	Dự phòng rủi ro	Cộng	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	C
TỔNG CỘNG										
Chính phủ nước ngoài										
Nước										
Dự án										
Tổ chức quốc tế										
Tổ chức										
Dự án										
Các TCID, NHIM										
Ngân hàng										
Dự án										
Tổ chức khác (nếu có)										
Tên tổ chức										
Dự án										

Đơn vị tính: Nguyên tệ

Ghi chú:

- Các cột quy USD, VND: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Đơn vị tiền: VND

Tên dự án	Nguồn vốn vay	Đồng tiền vay	Dự nợ cuối kỳ báo cáo (Nguyên tệ)	Dự nợ cuối kỳ báo cáo quy VND	Loại tài sản bảo đảm		Trị giá tại Hợp đồng đăng ký giao dịch đảm bảo quy VND	Trị giá tài sản đảm bảo còn lại (theo giá trị sổ sách) quy VND	Chênh lệch	Nội dung xử lý hoặc kiến nghị
					Tài sản hình thành từ vốn vay	Tài sản khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=5-9	11
Dự án					x	x				
Dự án					x					
Dự án						x				

Ghi chú:

- Cột 5, 8, 9: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước quy VND do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

NGƯỜI LẬP BIỂU

..... Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.08

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro)

BÁO CÁO NỢ QUÁ HẠN VÀ PHÂN LOẠI NỢ

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Tình hình nợ quá hạn vốn nước ngoài cho vay lại

Tháng	Tổng dư nợ quá hạn vốn nước ngoài	
	Quy USD	Quy VND
Tháng 1		
Tháng 2		
Tháng 3		
Tháng 4		
Tháng 5		
Tháng 6		
Tháng 7		
Tháng 8		
Tháng 9		
Tháng 10		
Tháng 11		
Tháng 12		

Tình hình phân loại nợ

Nhóm nợ	Số lượng khoản vay lại	Dư nợ vốn nước ngoài cho vay lại		
		Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
- Dư nợ đủ tiêu chuẩn				
- Dư nợ nhóm 2				
- Dư nợ nhóm 3				
- Dư nợ nhóm 4				
- Dư nợ nhóm 5				

Ghi chú:

- Báo cáo tổng dư nợ quá hạn các tháng tại thời điểm ngày cuối cùng của tháng báo cáo.
- Các cột quy USD, VND: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo.

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY LẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2018/TT-BTC

ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính)

**Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương
thức chịu toàn bộ rủi ro tín dụng)**

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
4.01	Nợ của các khoản cho vay lại theo chủ nợ cho vay
4.02	Nợ của các khoản cho vay lại theo đơn vị vay lại
4.03	Thực hiện rút vốn vay nước ngoài về cho vay lại
4.04	Thực hiện trả nợ Bộ Tài chính

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại chịu rủi ro tín dụng)

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI THEO CHỦ NỢ CHO VAY

Ký báo từ: từ ngày ... đến ngày ...

	Loại lãi	DỰ MÝ ĐẦU NĂM				SỐ VỐN TRONG NĂM TỪ MÙA TẠI TRỢ NƯỚC NGOÀI				LÃI				PHÍ				DỰ PHÒNG ĐẦU NĂM				CÔNG				DỰ MÝ CUỐI NĂM			
		Ngày		Quy USD		Ngày		Quy VND		Ngày		Quy VND		Ngày		Quy USD		Ngày		Quy VND		Ngày		Quy USD		Ngày		Quy VND	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
TỔNG CỘNG																													
Chức vụ và chức danh																													
Nước ...																													
Địa chỉ																													
Tên chức danh																													
Tên chức danh (nếu có)																													
Tên tổ chức ...																													
Địa chỉ ...																													
Điện thoại ...																													

Ghi chú:

- Cột 2,3: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 5,6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch
- Cột 8,9,11,12,14,15,17,18,20,21: Áp dụng tỷ giá báo cáo công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo
- Cột 22,24: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký và đóng dấu)

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại chịu rủi ro tín dụng)

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VÊ CHO VAY LẠI THEO ĐƠN VỊ NHẬN VAY LẠI

Ký báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Đơn vị tính: Nguyên tệ

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Loại tiền	Đư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ				Đư nợ cuối kỳ	NỢ QUÁ HẠN		
					Gốc	Lãi	Phí	Dự phòng rủi ro		Gốc	Lãi+Phí	Cộng
A		B	1	2	3	4	5	6	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG											
1	Người vay ... Dự án ...											
2	Người vay ... Dự án ...											
3	Người vay ... Dự án ...											
4	Người vay ... Dự án ...											
5	Người vay ... Dự án ...											

NGƯỜI LẬP BIỂU

..... Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại chịu rủi ro tín dụng)

THỰC HIỆN TRẢ NỢ BỘ TÀI CHÍNH

Ký báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

TÊN DỰ ÁN	Loại tiền	Tổng trả nợ của dự án theo nguyên tệ							Quy USD	Quy VND
		Gốc	Lãi	Phí cho vay lại trả cơ quan cho vay lại	Phí cho vay lại trả Bộ Tài chính	Phí	Dự phòng rủi ro	Cộng		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
TỔNG CỘNG										
Chính phủ nước ngoài										
Nước										
Dự án										
Tổ chức quốc tế										
Tổ chức										
Dự án										
Các TCTD, NHMT										
Ngân hàng, ...										
Dự án										
Tổ chức khác (nếu có)										
Tên tổ chức										
Dự án										

Ghi chú:

- Các cột quy USD, VND: Áp dụng tỷ giá bán ra đồng tiền cho vay lại do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương công bố tại thời điểm trả nợ

NGƯỜI LẬP BIỂU

..... Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

